

NHẬN THỨC ĐÚNG VỀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM - GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

Nguyễn Hồng Hải

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM

nguyenhonghai@huflit.edu.vn

TÓM TẮT— Kinh tế thị trường (KTMT) là một trong những cách tổ chức nền kinh tế xã hội, khi kinh tế hàng hóa đã đạt được mức phát triển ở một trình độ cao thì hình thành KTMT. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: KTMT định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCH) là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Tuy vậy, từ nhiều năm trước và đến hiện nay, các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội chính trị ở cả trong và nước ngoài thường xuyên chống phá Đảng, Nhà nước, công cuộc đổi mới, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) và bảo vệ Tổ quốc XHCN của nhân dân ta vẫn xuyên tạc về mô hình kinh tế này, do vậy cần phải hiểu đúng về mô hình KTMT định hướng XHCN là việc cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa—Kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, nhận thức lệch lạc, quan điểm sai lầm.

I. KHÁI QUÁT VỀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Nền KTMT là nền kinh tế được vận hành theo cơ chế thị trường. Đó là nền kinh tế hàng hóa phát triển cao, ở đó mọi quan hệ sản xuất và trao đổi đều được thông qua thị trường, chịu sự tác động và điều tiết của các quy luật thị trường. Sự hình thành KTMT là khách quan trong lịch sử: Từ kinh tế tự nhiên lên kinh tế hàng hóa; khi kinh tế hàng hóa phát triển sẽ hình thành KTMT. KTMT cũng trải qua quá trình phát triển ở các trình độ khác nhau: từ KTMT sơ khai đến KTMT hiện đại ngày nay. KTMT là sản phẩm của văn minh nhân loại.

A. NHỮNG ĐẶC TRƯNG PHỔ BIẾN CỦA NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

KTMT đã phát triển qua nhiều giai đoạn với nhiều mô hình khác nhau, nhưng các nền KTMT đều có những đặc trưng sau:

Thứ nhất, có sự đa dạng của các chủ thể kinh tế, nhiều hình thức sở hữu. Các chủ thể kinh tế bình đẳng trước pháp luật. Các chủ thể này hoàn toàn độc lập, tự chủ trong việc quyết định 3 vấn đề trung tâm của tổ chức kinh tế: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai? Họ tự chịu trách nhiệm đối với quyết định sản xuất kinh doanh của bản thân dựa trên những tín hiệu thị trường. Về bản chất, nền KTMT thị trường có cấu trúc đa sở hữu. Trong cấu trúc, sở hữu tư nhân luôn luôn là thành tố tất yếu, bắt buộc. Phủ nhận sở hữu tư nhân có nghĩa là bác bỏ KTMT trên thực tế. Bên cạnh sở hữu tư nhân, còn có các dạng sở hữu khác là sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và dạng đồng sở hữu của các chủ thể khác. Về nguyên tắc, các chủ thể sở hữu và các hình thức sở hữu trong nền KTMT là độc lập và bình đẳng với nhau trước pháp luật và trong hoạt động kinh doanh. Nhưng mỗi hình thức sở hữu và mỗi chủ thể sở hữu lại có vai trò, vị thế và chức năng đặc thù trong sự vận hành của nền KTMT.

Thứ hai, thị trường đóng vai trò quyết định trong việc phân bổ các nguồn lực xã hội thông qua hoạt động của các thị trường bộ phận như thị trường hàng hóa, thị trường dịch vụ, thị trường sức lao động, thị trường tài chính, thị trường bất động sản, thị trường khoa học công nghệ...

Thứ ba, giá cả được hình thành theo nguyên tắc thị trường; cạnh tranh vừa là môi trường, vừa là động lực thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh; động lực trực tiếp của các chủ thể sản xuất kinh doanh là lợi nhuận và lợi ích kinh tế - xã hội khác; nhà nước là chủ thể thực hiện chức năng quản lý, chức năng kinh tế; thực hiện khắc phục những khuyết tật của thị trường, thúc đẩy những yếu tố tích cực, đảm bảo sự bình đẳng xã hội và sự ổn định của toàn bộ nền kinh tế.

Thứ tư, là nền kinh tế mở, thị trường trong nước quan hệ mật thiết với thị trường quốc tế.

Các đặc trưng trên mang tính phổ biến của mọi nền KTMT. Tuy nhiên, tùy theo lịch sử cụ thể, tùy theo chế độ chính trị xã hội của mỗi quốc gia, ngoài những đặc trưng chung, mỗi nền KTMT quốc gia có thể có những đặc trưng riêng, tạo nên đặc thù của các mô hình KTMT và nền KTMT ở những quốc gia cụ thể.

B. CÁC MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TRONG LỊCH SỬ

Trong những năm gần đây, dựa theo những nét khác biệt và tương đồng, người ta đã chia các mô hình KTMT đang vận hành ở các nước tư bản phát triển trên thế giới thành 3 nhóm tiêu biểu:

1. MÔ HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TỰ DO

Tiêu biểu là nền KTTT của Mỹ, Anh, Ô-x-trây-li-a..., với một cơ chế thị trường tự do thuần khiết hơn so với các nền kinh tế khác, các mối quan hệ kinh tế đều được giải quyết thông qua thị trường là chính, còn sự can thiệp của nhà nước rất hãn hữu. Do đó, mọi sự bất cập và thất bại của nền kinh tế đều do nguyên nhân chủ yếu từ sự trực trặc hay sự phát triển thiếu đồng bộ của thị trường. Trong mô hình này, thị trường lao động có tính linh hoạt cao và các luật lệ về thị trường lao động đều thiên về bảo hộ người chủ tư bản hơn là người lao động làm thuê.

2. MÔ HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI

Ra đời trong bối cảnh của nước Đức sau chiến tranh thế giới thứ hai và là kết quả của sự thỏa hiệp giữa 4 trường phái lớn theo đuổi những chủ trương khác nhau về khôi phục nền kinh tế nước Đức thời hậu chiến, mô hình này tiêu biểu là Đức, Thụy Điển và các nước Bắc Âu khác. Mô hình này là một dạng biến thể của mô hình KTTT tự do. Nhưng nó có nội dung thực chất là sự gắn kết trên cơ sở thị trường một cách hợp lý giữa các mặt kinh tế - xã hội và chính trị. Coi các thị trường chỉ là điều kiện cần chứ không phải là điều kiện đủ và coi luật pháp, nhà nước, đạo đức.... Mô hình này coi trọng vai trò điều tiết của nhà nước và phúc lợi xã hội.

3. MÔ HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG NHÀ NƯỚC PHÁT TRIỂN

Tiêu biểu là nền kinh tế Pháp, Nhật Bản, chức năng chủ yếu của nhà nước trong mô hình này là thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế dài hạn. Do đó, nhà nước phải chủ động thực hiện chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ trên cơ sở những thành tựu của công nghiệp hóa và tái công nghiệp hóa dựa vào tri thức, nhằm thích ứng với sự biến động nhanh chóng của nhu cầu thị trường để luôn tạo ra được lợi thế so sánh mới nhằm nâng cao sức cạnh tranh, không thụ động chấp nhận sự phân công lao động quốc tế dựa trên những lợi thế so sánh có sẵn. Nhà nước không chỉ quan tâm đến luật chơi của nền KTTT mà còn đi sâu hướng dẫn, chỉ đạo, điều tiết cả phương hướng, nội dung của hoạt động kinh tế nhằm thực hiện chức năng phát triển của nhà nước. Cơ sở lý thuyết về chức năng phát triển của nhà nước là những phân tích "lợi thế so sánh động" của một nền kinh tế dựa vào tri thức. Khu vực doanh nghiệp nhà nước luôn chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế của các nước phát triển nền kinh tế theo mô hình này.

Giữa 3 mô hình trên có những điểm khác biệt, nhưng giữa chúng cũng có những điểm tương đồng rất cơ bản: đều được xây dựng và vận hành dựa trên 4 nguyên tắc cốt lõi là: sở hữu tư nhân, lợi ích cá nhân, cạnh tranh thị trường và tự do dân chủ theo kiểu phương Tây.

Ngoài 3 mô hình cơ bản nói trên, khoảng cuối thế kỷ XX đã xuất hiện mô hình KTTT XHCN (hay định hướng XHCN), loại mô hình KTTT này hiện đang được thực thi chỉ ở 02 nước (Việt Nam - KTTT định hướng XHCN; và Trung Quốc - KTTT XHCN). Thời gian tồn tại của nó cũng chỉ mới hơn 1/4 thế kỷ thử nghiệm. Tuy vậy, các kết quả thực tế đã chứng tỏ đây là mô hình có sức sống mạnh mẽ và có triển vọng lịch sử to lớn. Khác với 3 mô hình KTTT nói trên, tồn tại trong khung khổ CNTB, mô hình này mới được xác lập chưa lâu và vẫn đang trong quá trình thử nghiệm, định hình cấu trúc và bản chất. Do vậy, chưa có căn cứ thực tiễn để xác lập một hệ thống lý luận về nó với nội dung hoàn chỉnh và logic chặt chẽ.

II. KHÁI QUÁT SỰ HÌNH THÀNH TƯ DUY CỦA ĐẢNG VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

A. THỜI KỲ TRƯỚC ĐỔI MỚI

Trước đổi mới, cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta là cơ chế kế hoạch hoá tập trung với những đặc điểm chủ yếu là:

Thứ nhất, Nhà nước quản lý nền kinh tế chủ yếu bằng mệnh lệnh hành chính dựa trên hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chi tiết áp đặt từ trên xuống dưới. Các doanh nghiệp hoạt động trên cơ sở các quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các chỉ tiêu pháp lệnh được giao. Tất cả phương hướng sản xuất, nguồn vật tư, tiền vốn; định giá sản phẩm, tổ chức bộ máy, nhân sự, tiền lương... đều do các cấp có thẩm quyền quyết định. Nhà nước giao chỉ tiêu kế hoạch cấp phát vốn, vật tư cho doanh nghiệp, doanh nghiệp giao nộp sản phẩm cho Nhà nước.

Thứ hai, các cơ quan hành chính can thiệp quá sâu vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhưng lại không chịu trách nhiệm gì về vật chất và pháp lý đối với các quyết định của mình. Những thiệt hại vật chất do các quyết định không gây ra thì ngân sách nhà nước phải gánh chịu. Các doanh nghiệp không có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, cũng không bị ràng buộc trách nhiệm đối với kết quả sản xuất, kinh doanh.

Thứ ba, quan hệ hàng hóa - tiền tệ bị coi nhẹ, chỉ là hình thức, quan hệ hiện vật là chủ yếu. Nhà nước quản lý kinh tế thông qua chế độ "cấp phát - giao nộp". Vì vậy, rất nhiều hàng hóa quan trọng như sức lao động, phát minh sáng chế, tư liệu sản xuất quan trọng không được coi là hàng hóa về mặt pháp lý.

Thứ tư, bộ máy quản lý công kênh, nhiều cấp trung gian vừa kém năng động, vừa sinh ra đội ngũ quản lý kém năng lực, phong cách cửa quyền, quan liêu nhưng lại được hưởng quyền lợi cao hơn người lao động.

Chế độ bao cấp được thực hiện dưới các hình thức chủ yếu sau:

Bao cấp qua giá: Nhà nước quyết định giá trị tài sản, thiết bị, vật tư, hàng hóa thấp hơn nhiều lần so với giá trị thực với chúng trên thị trường. Do đó, hạch toán kinh tế chỉ là hình thức.

Bao cấp qua chế độ tem phiếu: Nhà nước quy định chế độ phân phối vật phẩm tiêu dùng cho cán bộ, công nhân viên theo định mức qua hình thức tem phiếu. Chế độ tem phiếu với mức giá khác xa so với giá thị trường đã biến chế độ tiền lương thành lương hiện vật, thủ tiêu động lực kích thích người lao động và phá vỡ nguyên tắc phân phối theo lao động.

Trong thời kỳ kinh tế còn tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng thì cơ chế này có tác dụng nhất định, nó cho phép tập trung tối đa các nguồn lực kinh tế vào các mục tiêu chủ yếu trong từng giai đoạn và điều kiện cụ thể, đặc biệt trong quá trình công nghiệp hóa theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng. Nhưng nó lại thủ tiêu cạnh tranh, kìm hãm tiến bộ khoa học - công nghệ, triệt tiêu động lực kinh tế đối với người lao động, không kích thích tính năng động, sáng tạo của các đơn vị sản xuất, kinh doanh. Khi nền kinh tế thế giới chuyển sang giai đoạn phát triển theo chiều sâu dựa trên cơ sở áp dụng các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện tại thì cơ chế quản lý này càng bộc lộ những khiếm khuyết của nó, làm cho kinh tế lâm vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng.

Trước tình hình đó, nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta là rất cấp thiết: Dưới áp lực của tình thế khách quan, nhằm thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chúng ta đã có những bước cải tiến nền kinh tế theo hướng thị trường, tuy nhiên còn chưa toàn diện, chưa triệt để. Đó là khoán sản phẩm trong nông nghiệp theo Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương khóa IV; bù giá vào lương ở Long An; Nghị quyết Trung ương 8 khóa V (năm 1985) về giá - lương - tiền; thực hiện Nghị định số 25 - CP và Nghị định số 26 - CP của Chính phủ... Đó là những căn cứ thực tế để Đảng đi đến quyết định thay đổi về cơ bản cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta trong thời kỳ đó.

B. THỜI KỲ SAU ĐỔI MỚI

1. TƯ DUY CỦA ĐẢNG VỀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TỪ ĐẠI HỘI VI ĐẾN ĐẠI HỘI VIII

Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), trên cơ sở nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước nhằm thực hiện có hiệu quả hơn công cuộc xây dựng CNXH, đặc biệt là thừa nhận sự tồn tại khách quan của sản xuất hàng hóa và thị trường, phê phán triệt để cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, khẳng định chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh. Đại hội VI khẳng định: "Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế xã hội chủ nghĩa, hạn chế việc sử dụng, và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông, và để ra nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội", [2]. Đảng mới nêu ra quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch gồm nhiều thành phần đi lên CNXH, chưa đề cập đến cơ chế thị trường và phát triển nền kinh tế thị trường. Hội nghị Trung ương 6 khóa VI (3-1989), Đảng đã khẳng định thực hiện nhất quán chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, coi đây là chính sách có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên CNXH. Đồng thời, Nghị quyết đã đưa ra quan điểm mới, mang tính chất bước ngoặt về kinh tế quốc doanh, tạo cơ sở quan trọng cho việc đẩy mạnh sắp xếp lại khu vực kinh tế này. Cụ thể, kinh tế quốc doanh phải được củng cố và phát triển, nắm vững vị trí then chốt trong nền kinh tế, có lực lượng đủ sức chi phối thị trường để thực hiện tốt vai trò chủ đạo, bảo đảm cho sự phát triển ổn định và có hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo định hướng XHCN, song không nhất thiết chiếm tỷ trọng lớn trong mọi ngành, nghề. Đáng chú ý, tại Hội nghị này, lần đầu tiên Đảng khẳng định rằng, trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thị trường xã hội là một thể thống nhất, thông suốt trong cả nước và gắn với thị trường thế giới với nhiều lực lượng khác nhau tham gia lưu thông hàng hóa, đồng thời đề cập đến cơ chế thị trường. Mặc dù chưa được đề cập trực tiếp với tư cách là cơ chế quản lý nền kinh tế, song Đảng cũng chỉ rõ, cơ chế thị trường phải được vận dụng nhất quán trong kế hoạch hóa và các chính sách kinh tế.

Đến Đại hội VII (6-1991), Văn kiện đã nêu rõ cơ chế vận hành nền kinh tế là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Trong cơ chế đó, các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh; hợp tác, liên doanh tự nguyện, bình đẳng, cạnh tranh hợp pháp. Bên cạnh đó, Đảng cũng chỉ rõ, phải xây dựng và phát triển đồng bộ các thị trường, xóa bỏ độc quyền và đặc quyền ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế. Như vậy, đây là lần đầu tiên Đảng đề cập đến cơ chế thị trường với tư cách là cơ chế vận hành nền kinh tế. Có thể xem đây là một bước tiến lớn trong nhận thức, trong tư duy về thị trường, cơ chế thị trường của Đảng ta.

Đến Đại hội VIII (6-1996), trên cơ sở tổng kết 10 năm đổi mới (1986 - 1996), Đảng đã rút ra một số kết luận mới về mối quan hệ giữa sản xuất hàng hóa và chủ nghĩa xã hội, giữa kế hoạch hóa và thị trường, giữa thị trường trong nước và quốc tế, giữa quyền quản lý của Nhà nước và quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, về phân phối và lấy đó làm cơ sở cho việc tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục tiêu xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, tiếp tục tạo lập đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN. Trong đó đáng chú ý Đảng ta đưa ra quan niệm mới, rất quan trọng về kinh tế hàng hóa và CNXH: “Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng” [3].

2. TƯ DUY CỦA ĐẢNG VỀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TỪ ĐẠI HỘI IX ĐẾN ĐẠI HỘI XII

Đại hội IX (4-2001), khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN mới được chính thức sử dụng trong các văn kiện của Đảng. Đại hội IX đã khái quát mô hình nền kinh tế tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH: “Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN, đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN” [4]. Đây là bước chuyển quan trọng từ nhận thức KTTT chỉ như một công cụ, một cơ chế quản lý, đến nhận thức coi KTTT như một chính thể, là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo định hướng XHCN. Đại hội đã xác định KTTT định hướng XHCN là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo quy luật của KTTT vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH. Trong nền kinh tế đó, các thể mạnh của “thị trường” được sử dụng để “phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, nâng cao đời sống nhân dân”, còn tính “định hướng XHCN” được thể hiện trên cả ba mặt của quan hệ sản xuất: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối, nhằm mục đích cuối cùng là “dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội do nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hóa, có kỷ cương, xóa bỏ áp bức và bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh, phúc”. Nói KTTT định hướng XHCN thì trước hết, đó không phải là kinh tế kế hoạch hóa tập trung, cũng không phải là KTTT TBCN và cũng chưa hoàn toàn là KTTT XHCN, vì chưa có đầy đủ các yếu tố XHCN.

Đại hội X khẳng định: “Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền KTTT định hướng XHCN, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế” [5].

Trên cơ sở phát triển lý luận và tổng kết thực tiễn, Đại hội XI nhấn mạnh: “tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN là tiền đề quan trọng thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, là một trong ba đột phá chiến lược trong 10 năm tới” [6].

Đại hội XII của Đảng có sự phát triển mới bằng việc đưa ra quan niệm: “Nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của KTTT; đồng thời bảo đảm định hướng XHCN phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền KTTT hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” [7].

Nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của KTTT. Đây là luận điểm đã được đề cập trong các kỳ Đại hội trước nhưng tại Đại hội XII, Đảng ta khẳng định rõ và cụ thể hơn, bởi lẽ, trên thực tế, nền kinh tế nước ta đang từng bước được công nhận là nền KTTT và đến năm 2018 mới được các thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) công nhận là nền KTTT đầy đủ. Điều đó cũng có nghĩa là nền kinh tế của chúng ta không khác biệt mà mang đầy đủ các đặc trưng phổ biến của KTTT.

Nền KTTT định hướng XHCN của Việt Nam là nền KTTT hiện đại và hội nhập quốc tế. Đây là luận điểm lần đầu tiên Đảng ta khẳng định trong văn kiện nhưng rất cần thiết và phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước hiện nay, phản ánh tiến trình hội nhập quốc tế sâu, rộng trên nhiều cấp độ; đưa nền kinh tế Việt Nam trở thành một bộ phận hữu cơ của nền KTTT thế giới. Nhấn mạnh tính hiện đại và hội nhập của nền KTTT định hướng XHCN là sự khẳng định việc tuân thủ các chuẩn mực chung của thế giới để phát triển, thực hiện tự do hóa trong các lĩnh vực thương mại, đầu tư, tài chính, dịch vụ, lao động kỹ năng, v.v... và quan trọng hơn, là sự tuân thủ các cam kết quốc tế đã ký, nỗ lực cải cách thể chế kinh tế bên trong, đáp ứng các tiêu chí để được công nhận là nền KTTT đầy đủ.

III. NHỮNG NHẬN THỨC LỆCH LẠC, LUẬN ĐIỂM SAI LẦM VỀ NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN Ở NƯỚC TA

A. NHỮNG NHẬN THỨC LỆCH LẠC

Các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội chính trị trong và ngoài nước vẫn xuyên tạc rằng không có nền kinh tế nào là nền KTTT định hướng XHCN; KTTT, các quy luật của KTTT và định hướng XHCN là những yếu tố đối lập nhau, loại trừ nhau; ghép định hướng XHCN vào KTTT là sự gán ghép chủ quan, duy ý chí, không có cơ sở khoa học, không thuyết phục, làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nếu bỏ cái đuôi “định hướng XHCN” thì kinh tế đất nước còn phát triển nhanh hơn, kết quả đạt được còn lớn hơn nhiều, và do đó, mặc dù Việt Nam đã tuyên truyền, vận động, nhưng nhiều nước vẫn chưa công nhận kinh tế Việt Nam là KTTT.

Các thế lực thù địch và các phần tử cơ hội chính trị còn cho rằng: một mặt, Nhà nước chủ trương phát triển KTTT, phát triển kinh tế nhiều thành phần, đa dạng các hình thức sở hữu; doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được bình đẳng, hợp tác cạnh tranh theo pháp luật; nhưng mặt khác nhà nước lại xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế thì như vậy là có sự phân biệt đối xử, không thể bình đẳng. Do đó không thể có KTTT thật sự, hơn nữa Nhà nước lại xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế, được khuyến khích phát triển thành các tổng công ty, tập đoàn kinh tế mạnh hoạt động cả trong và ngoài nước thì nền KTTT sẽ phát triển theo con đường TBCN chứ không phải phát triển theo định hướng XHCN.

B. VẬY NHỮNG SAI LẦM CỦA HỌ CỤ THỂ LÀ GÌ?

Một là, sai lầm cho rằng không thể có nền KTTT định hướng XHCN: Như vậy ở đây họ đã đồng nhất KTTT với KTTT TBCN, cho rằng chỉ có một loại đó là KTTT TBCN. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng thực chất các quan hệ KTTT và các quan hệ tư bản là hoàn toàn khác nhau. Nguồn gốc và bản chất của KTTT là kinh tế hàng hóa; các phạm trù giá trị, giá cả, hàng hóa, tiền tệ, các quy luật cạnh tranh, quy luật cung - cầu, quy luật giá trị của kinh tế hàng hóa cũng là các phạm trù và quy luật của KTTT và nó có trước CNTB, được CNTB nắm lấy, sử dụng để phát triển thành KTTT TBCN.

Hai là, sai lầm cho rằng KTTT TBCN từ khi ra đời cho đến nay là không thay đổi, nhưng trên thực tế thời kỳ đầu, khi mới ra đời thì KTTT TBCN là KTTT tự do cạnh tranh, chưa có sự can thiệp của Nhà nước, chỉ có sự điều tiết của bàn tay vô hình của thị trường, và cũng chính vì vậy đã đưa đến nhiều hệ quả tiêu cực, đặc biệt là các cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ, từ đó đòi hỏi phải có bàn tay quản lý của Nhà nước để hạn chế, khắc phục những khuyết tật do điều tiết tự phát của cơ chế thị trường. Ngày nay, nền KTTT hiện đại của các nước tư bản phát triển trên thế giới đều là nền KTTT có sự quản lý của Nhà nước, vừa có điều tiết bởi “bàn tay vô hình” của thị trường, vừa có điều tiết bằng “bàn tay hữu hình” của Nhà nước.

Ba là, KTTT có sự quản lý của Nhà nước ở các nước trên thế giới không phải hoàn toàn giống nhau, mà có nhiều mô hình khác nhau, tùy thuộc vào mức độ can thiệp và nội dung, định hướng can thiệp của Nhà nước, cũng từ đó đã làm hình thành 3 mô hình KTTT tiêu biểu như mô hình KTTT tự do, mô hình KTTT xã hội và mô hình KTTT nhà nước phát triển.

Bốn là, sai lầm của luận điểm cho rằng các quy luật của KTTT và định hướng XHCN hoàn toàn đối lập, loại trừ nhau: Khi đã là một nền KTTT thì phải vận hành theo các quy luật của KTTT: quy luật cạnh tranh, quy luật cung - cầu, quy luật giá trị, quy luật lưu thông tiền tệ, trong đó trung tâm là quy luật giá trị. Đặc trưng của KTTT là cạnh tranh. Các chủ thể kinh tế luôn phải cạnh tranh với nhau để chiếm được các nguồn lực sản xuất, các dự án đầu tư, chiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Cạnh tranh là sức ép, động lực thúc đẩy các chủ thể phải năng động, sáng tạo, cải tiến quản lý, tổ chức sản xuất, kinh doanh hợp lý; ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ; đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm; tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, kinh doanh; qua đó, thúc đẩy kinh tế phát triển, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém. Quy luật cạnh tranh là mạnh được, yếu thua. Đây là mặt tích cực của cạnh tranh. Nhưng cạnh tranh giữa các chủ thể kinh tế cũng dẫn đến những hậu quả tiêu cực: Khai thác tối đa sức lực người lao động, giảm chi phí cho lao động; khai thác cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường; sử dụng các biện pháp cạnh tranh không lành mạnh, như làm hàng giả, kém chất lượng, ăn cắp công nghệ, buôn lậu, trốn thuế, chuyển giá, triệt hạ đối thủ... Trong nền KTTT có sự quản lý của Nhà nước ở các nước trên thế giới, nhất là ở các nước phát triển hiện nay, Nhà nước tạo khung khổ pháp luật cho cạnh tranh; bảo vệ, tôn trọng, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh; nhưng đồng thời, ngăn ngừa, hạn chế độc quyền cản trở cạnh tranh và chống lại các hoạt động cạnh tranh không lành mạnh.

Năm là, sai lầm của những người cho rằng nếu kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo thì không thể có bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nền kinh tế và không thể có nền KTTT. Như vậy ở đây họ vẫn bị ám ảnh bởi kinh tế nhà nước trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp trước đây; và họ cũng đã hiểu sai về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, cho rằng chủ đạo là phải được sự ưu đãi, ưu ái của Nhà nước, phải chiếm tỷ trọng lớn, chèn ép, lấn lướt các thành phần kinh tế khác. Trong nền kinh tế trước đổi mới, lúc đó chỉ có kinh tế nhà

nước và kinh tế tập thể, không có kinh tế tư nhân; kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng tuyệt đối trong nền kinh tế, do Nhà nước trực tiếp quản lý bằng kế hoạch hóa tập trung, nên đã không có KTTT. Ngày nay, kinh tế nhà nước đã hoàn toàn khác: Kinh tế nhà nước bao gồm các nguồn lực kinh tế của Nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước, kinh tế nhà nước là một công cụ của Nhà nước, để cùng với các công cụ khác, như pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do Nhà nước quản lý, điều tiết hoạt động của nền kinh tế. Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được huy động, phân bổ, sử dụng theo yêu cầu phải phù hợp, phục vụ việc thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước; nhưng khi thực hiện phải theo cơ chế thị trường, thông qua đấu thầu cạnh tranh, có sự tham gia của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, để việc phân bổ hợp lý, sử dụng có hiệu quả cao. Doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước đầu tư, phát triển ở những ngành, lĩnh vực, địa bàn quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước (nhất là khi các thành phần kinh tế khác không được, không muốn hay không đủ sức đầu tư), làm lực lượng tiên phong, nòng cốt cho sự phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn đó. Các doanh nghiệp nhà nước tự chủ, hoạt động theo cơ chế thị trường, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Khi đã có các thành phần kinh tế khác đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, địa bàn này và không nhất thiết phải có doanh nghiệp nhà nước, thì Nhà nước có thể thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp, chuyển vốn nhà nước đầu tư vào những ngành, lĩnh vực, địa bàn quan trọng khác để thực hiện chiến lược, mục tiêu mới của Nhà nước. Như vậy, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước với ý nghĩa là công cụ quan trọng để Nhà nước điều tiết, thúc đẩy, định hướng phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Với vai trò đó, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không mâu thuẫn, cản trở hoạt động của các quy luật kinh tế, với sự phát triển của KTTT.

Sáu là, về luận điểm cho rằng, kinh tế tư nhân với vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế, được khuyến khích phát triển thành các tổng công ty, tập đoàn kinh tế mạnh thì nền kinh tế không thể phát triển theo định hướng XHCN mà sẽ trở thành nền kinh tế TBCN. Quả thật, nếu để kinh tế tư nhân phát triển một cách tự phát thì nền KTTT nước ta sẽ đi theo con đường TBCN. Nhưng nền KTTT nước ta có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, kinh tế tư nhân không phát triển tự phát, mà phải tuân thủ pháp luật, chính sách của Nhà nước, được định hướng hoạt động phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế của Nhà nước, bảo đảm điều kiện lao động, quan hệ lao động hài hòa, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, khi Nhà nước khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển thành các tổng công ty, tập đoàn kinh tế mạnh, hoạt động ở cả trong nước và ngoài nước thì pháp luật, chính sách của Nhà nước cũng định hướng các tổng công ty, tập đoàn kinh tế phát triển thành các công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi của các lực lượng xã hội. Bằng cách đó, Nhà nước ta sẽ đưa kinh tế tư nhân vào con đường phát triển CNTB nhà nước, một nấc thang quá độ lên CNXH, để kinh tế tư nhân đóng góp vào phát triển nền KTTT định hướng XHCN.

IV. KẾT LUẬN

Nền KTTT không phải là cái riêng có của CNTB mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại, nền KTTT có thể tồn tại và thích ứng với nhiều hình thái xã hội khác nhau; nền KTTT phát triển với trình độ cao dưới CNTB song không đồng nhất với CNTB và cũng không đối lập với CNXH. Dù không phải là một cơ chế hoàn hảo, song nền KTTT vẫn chứng tỏ là một cơ chế huy động, phân bổ nguồn lực, thúc đẩy sáng tạo và phát triển được coi là ưu thế nhất hiện nay. Với Việt Nam, sự lựa chọn nền KTTT định hướng XHCN xuất phát từ nhận thức đúng đắn của Đảng ta, KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam là một mô hình hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử và thời gian phát triển mới hơn ba thập kỷ. Do vậy, phát triển KTTT định hướng XHCN là một quá trình hoàn thiện, đổi mới và sáng tạo không ngừng trong nhận thức, tư duy lý luận và thực tiễn ở Việt Nam. Có thể nói, thực tiễn và sáng tạo đổi mới thể chế kinh tế Việt Nam là thành quả của cả quá trình tiếp thu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào tình hình lịch sử - cụ thể của đất nước trên cơ sở học tập kinh nghiệm đổi mới, cải cách của các nước một cách có chọn lọc. Đây cũng là một trong những thành tựu nổi bật nhất của sự nghiệp đổi mới của Việt Nam. Hiện nay, Việt Nam vẫn đang tiếp tục đổi mới và hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN để nhanh chóng xây dựng và phát triển có hiệu quả nền KTTT định hướng XHCN.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.142-168.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.47, tr.395-396.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.72.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.86-87.

- [5] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.83.
- [6] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.34.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.102.
- [8] Nguyễn Hồng Hải. *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nxb. Đại học Sư phạm TP.HCM, 2016.
- [9] Nguyễn Văn Thọ. Phê phán những nhận thức lệch lạc, luận điểm sai lầm về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. *Tạp chí Cộng sản*, số 947, tháng 8/2020, tr. 47- 54.

RIGHT AWARENESS OF THE SOCIALIST - ORIENTED MARKET ECONOMY IN VIET NAM FOR PROTECTING COMMUNIST PARTY'S IDEOLOGY

Nguyen Hong Hai

ABSTRACT—The market economy, one of the structures in organizing the socio-economy, is formed when the goods economy has reached its peak of development. The socialist-oriented market economy is a generic economic model in the socialism transition of Vietnam defined by The Communist Party of Vietnam. However, observing from the past till now, both the hostile forces and political opponents from domestic and international regions not only rebel against the Party, the State, but also sabotage the progress of forming socialism in Vietnam and its innovation sequences as well as the defensive lines of our people’s socialist homeland. In short, there are individuals who still intentionally misrepresent facts about this economic model, so it is crucial to fully comprehend its functions soon.

Keywords: Market economy, socialist orientation, misconceptions, misguided viewpoints.